

Mc 10,46-52

Chú giải của Noel Quesson.

Giêrikhô

Về mặt lịch sử, đó là một trong những thành phố danh tiếng nhất thế giới. Nhưng đó cũng là thành phố “thấp nhất” thế giới: Nằm trong một miền trũng sâu gọi là Ghor, dưới mặt nước biển 250 mét gần Biển Chết, nên cảnh vật hoang vắng, lúc nào cũng thấp thoáng bóng dáng thần chết. Ở đây, loại cây cọ phát triển mạnh, tạo nên một vệt xanh tươi, một ốc đảo. Đó còn là một thành phố cổ xưa nhất thế giới. Theo ý kiến các nhà khảo cổ học, đã có người cư ngụ ở đó từ năm 7.800 trước Chúa Giáng sinh, với những di tích đồn lũy có từ 7.000 năm trước Chúa Giáng sinh. Tổ phụ Abraham sống gần chúng ta hơn là thành phố đầu tiên này, một thành được coi là rất cổ ngay ở thời của tổ phụ.

Về mặt Kinh thánh, Giêrikhô là biểu tượng cho “công việc tiến vào miền đất hứa” ngay sau khi vượt qua sông Giođan. Đối với khách hành hương lên Giêrusalem để dự lễ Vượt qua, cũng như đối với những đoàn người từ Galilê đi dọc theo sông Giođan thì đây là chặng đường cuối cùng, vì chỉ cách thủ đô 35 cây số.

Chúng ta đừng quên rằng, đối với Đức Giêsu cũng vậy, đó là con đường dẫn đến Giêrusalem. Ngày mai (Mc 11,1) Người tiến vào thành phố để hưởng chút vinh quang ngắn ngủi của buổi rước lá, dự buổi tiệc ly, trải qua cuộc thương khó, rồi Phục sinh.

Chữ Giêrikhô trong tiếng Do Thái có nghĩa là “thành phố mặt trăng”, chắc chắn để kỷ niệm việc thờ kính xa xưa. Vị thần của ban đêm. Chính vì thế mà Đức Giêsu sẽ làm “dấu lạ” cuối cùng: Người sẽ chiến thắng đêm tối đang giam cầm một người mù đáng thương. Đức Giêsu, ánh sáng của chúng ta! Anh sáng soi chiếu đêm tối đời ta.

Đức Giêsu và các môn đệ đến thành Giêrikhô. Khi Đức Giêsu cùng với các môn đệ và một đám người khá đông ra khỏi thành Giêrikhô

Trong những ngày trước, theo trình thuật của Maccô (chương 8 đến 10) chính những môn đệ này đã tỏ ra họ hoàn toàn “mù tối” trước định mệnh thực sự của Đức Giêsu: Họ vẫn còn mơ tưởng danh dự và thành công theo kiểu loài người (Mc 10,37) trong khi Đức Giêsu đã ba lần báo trước cho họ thập giá của Người (Mc 8,31; 9,31; 10,34). Những bài đọc của 6 Chúa nhật vừa qua đã cho chúng ta thấy rằng, các môn đệ là những người không hiểu biết và với cái nhìn nhân loại, hoàn toàn không đủ tư cách để bước theo Đức Giêsu: phải “mất mạng sống mình” (8,35), phải trở nên “người cuối chót” (9,35), phải tự “móc mắt, chặt tay, chặt chân” để khỏi phạm tội (9,47), phải “trung thành trong hôn phối” đến độ anh hùng (10,9), phải “uống chén đắng và nhận phép rửa”, phải trở nên “đầy tớ của mọi người” (10,38-44). Không, lạy Chúa, không thể được đối với con người, dù người đó đã làm môn đệ của Chúa, nếu chỉ dùng sức riêng của con người để “theo Chúa”.

Một người mù đang ngồi ăn xin bên vệ đường, tên anh ta là Batimê, con ông Timê

Trong những xứ nghèo ở phương Đông, người bị mù rất đông. Trước khi phát minh phương pháp Braille cho người mù đọc được chữ nhờ ngón tay, người mù chỉ sống bằng cách ăn xin, ngồi tại chỗ. Trong biểu tượng Kinh thánh người mù là “hình trạng” của sự “khó nghèo”, của con người bị bỏ rơi: Hãy nhìn hình ảnh đó! Đó là chân dung của bạn đấy! Con mắt tôi mù như đêm, bàn tay chìa ra, ngồi xếp dưới đất. Mù, không thể bước đi được, phải lệ thuộc kẻ khác một cách bi thảm. Nhưng nghịch lý thay, chính người “hành khát mù ngồi dưới đất” này, lại sắp trở thành gương mẫu cho tất cả chúng ta, cho các môn đệ là những người cứ “tưởng mình thấy rõ” (Ga 10,39-40).

Người hành khát mù ấy tên là Batimê. Chỉ mình Maccô đã ghi lại tên của người này. Rất có thể ông Batimê thuộc cộng đoàn những người Kitô hữu đầu tiên, lúc Maccô viết trình thuật này. Đó là một người mà người ta biết rõ: Một người đã được Đức Giêsu ban phép lạ. Bạn có biết Thiên Chúa cũng biết tên bạn, và Người thương yêu bạn với một tình thương cá biệt, không phải là nặc danh sao?

Vừa nghe nói đó là Đức Giêsu Nagiarét, anh ta bắt đầu kêu lên rằng

Theo thói quen của mình, Maccô luôn tỏ ra rất cụ thể. Chúng ta sắp xem một đoạn phim ngắn vô cùng linh động, trong đó mọi chi tiết được quan sát thật tinh tế, và có giá trị biểu tượng khá cao.

Như ta biết người mù có một thính giác rất đặc biệt.

Bằng lỗ tai, ông ta đã nhận ra sự hiện diện của Đức Giêsu, người Nagiarét.

Ngồi trên mô đất ngoài cửa thành Giêrikhô, ông ta nghe tiếng ồn ào của một nhóm người đi qua trước mặt mình. Người ta nói cho ông biết rằng, đó là Đức Giêsu.

“Tôi chưa bao giờ thấy Thánh nhan Người nhưng kẻ biết Người, đã nói với tôi về Người. Từ ngày đó, tôi mong Người đi qua và tôi nghe nói. Hôm nay Người đến.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng ở trong tình trạng của người mù trên: ta chưa bao giờ thấy khuôn mặt của Đức Giêsu. Nhờ đức tin, chúng ta đã tin vào chứng tá của những kẻ biết Người và chúng ta cũng ngóng đợi bước chân Người đi ngang qua”, Người “đang đến”. Một ngày nào đó, chúng ta sẽ thấy Người.

Anh ta càng kêu lớn tiếng: “Lạy Con vua Đavít, xin đủ lòng thương tôi!”

Từ trong bóng đêm của người này một niềm hy vọng cuồng say đã bùng dậy. Bấy giờ anh ta la hét lên. Anh cất tiếng cầu xin. “Xin thương xót tôi”. Đó là tiếng kêu cứu của anh. Tiếng Hy Lạp là “Kyrie Eleison”. Một truyền thống lâu đời của Giáo hội Đông phương đã dạy các tu sĩ ở Hy Lạp, Libăng, Xyria, Ai Cập, Cappadoce vùng Sa mạc... phương thế tự thánh hóa mình nhờ “lời cầu xin với Đức Giêsu bằng cách chỉ lặp đi lặp lại cách đơn sơ và không biết mệt mỏi những từ này: Lạy Đức Giêsu, xin thương xót. Lạy Đức Giêsu, xin thương xót”. Trong trình thuật của Maccô, tiếng Hy Lạp là “Ièsou, eleison, Ièsou, eleison”

Chữ đầu đọc bằng cách hít hơi vào chữ sau bằng cách thở hơi ra, để nhịp nhàng theo cơ thể một lời cầu nguyện mà người ta muốn tinh thần của lời kinh thấm sâu vào toàn thể cuộc sống. Trong nhiều giờ liên tục, người ta có thể “thở” với Chúa trong ngực của mình. Kiểu cầu nguyện cao cả nhưng rất đơn giản này từ Phương Đông truyền cho chúng ta. Không cần phải đi Katmandou mới sống bằng thần khí được, vì thần khí muốn thổi đâu thì thổi.

Kỹ thuật đáng thán phục của môn Yoga cũng có thể được những người đơn sơ nhất, sử dụng: vậy chúng ta hãy học cầu nguyện với hơi thở của mình.

“Hỡi con vua Đavít” ngày mai, ở Giêrusalem, đám đông dân chúng sẽ cầm cành lá vắn tuế trên tay để tung hô Đức Giêsu (Mc 11,10).

“Bí mật Thiên sai” không cần phải giữ nữa. Giờ đây cái chết của ông “Vua” thuộc dòng dõi Đavít đã gần kề. Mọi sự hiểu lầm về chính trị đã được gạt bỏ. Đấng Cứu Thế đã được chờ đón như là người “sẽ lập lại vương quyền tại Israel”. Vì Đức Giêsu lên Giêrusalem, mọi người đều nghĩ rằng, Chúa sẽ lên “nắm quyền”. Người là “Vua”, nhưng không phải theo kiểu những quốc gia trần thế (Mc 10,42; Mt 27,11; Ga 18,33-36) Vương miện của Người bằng gai nhọn. Con vua Đavít sinh ở Bê lem như tổ tiên, sẽ trị vì ở Giêrusalem như tiên tổ của Người. Nhưng không phải như đám đông mong đợi. Người sẽ đứng đầu bằng cách làm người sau chót, là nô lệ.

Nhiều người quát nạt bảo anh ta im đi, nhưng anh ta càng kêu lớn tiếng: “Lạy Con vua Đavít, xin đủ lòng thương tôi!”

Thời nào cũng có những người bất buộc kẻ đáng thương phải im miệng. Luôn luôn có những hạng người khó mà làm cho kẻ khác hiểu mình: đó là những di dân, những người sống ngoài lề xã hội, những kẻ khuyết tật và những nạn nhân đủ loại. Tiếng kêu của người mù Batimê vẫn còn vang lên.

Đức Giêsu đứng lại và nói: “Gọi anh ta lại đây!”

Rõ ràng, đó là một chi tiết. Nhưng chúng ta đừng vội lướt qua mà không tìm hiểu ý nghĩa của nó. Đức Giêsu sai các “môn đệ” bắt đầu phục vụ những kẻ nhỏ bé. Người nhờ các ông chuyển lời mời gọi của Người. Thiên Chúa cần con người. Vậy Chúa nói với nhân loại nhờ Giáo Hội của Người. Và Giáo Hội, chính là chúng ta, chúng ta có lắng nghe tiếng kêu luôn vọng lên chung quanh chúng ta không? Chúng ta có dỗi lại cho người anh em chúng ta tiếng kêu gọi của Chúa hay không? Để dẫn họ đến với Đấng cứu chuộc duy nhất? Người ta bàn cãi rất nhiều lần về “vai trò của Giáo hội”: thì chính là vai trò đó! Bạn hãy lắng nghe tiếng kêu của thế giới. Bạn hãy kêu gọi thế giới, nhân danh Chúa!

Người ta gọi anh mù và bảo: “Cứ yên tâm, đứng dậy, Người gọi anh đây!”
Ở đây có một từ kỹ thuật Hy Lạp đáng lưu ý. “Đứng dậy” (égeiré) mà đáng lẽ người ta phải dịch là “thức dậy” hay “sống lại” (Mc 2,9-11; 3,3; 5,41; 9,27; 10,49). Đó là sứ điệp của Giáo hội, nhân danh Chúa.

Anh mù liền vắt áo choàng lại, đứng phắt dậy mà đến gần Đức Giêsu

Trong ngôn ngữ Kinh thánh, chiếc “áo ngoài” là biểu tượng cho quyền lực của con người (2V 2,14, R 3,9). Đụng chạm tới áo ngoài của Đức Giêsu cũng đủ để lành bệnh. Việc người mù vứt bỏ áo ngoài của mình, tượng trưng cho một thứ ‘đoạn tuyệt với quá khứ’ của anh. Vào thời Maccô, người vừa được rửa tội, sẽ cởi áo ngoài của mình để mặc áo rửa tội.

Người hỏi: “Anh muốn tôi làm gì cho anh?”

Câu hỏi thật kỳ cục, nếu ta chỉ hiểu câu chuyện cách nông cạn. Chắc hẳn, Đức Giêsu biết rõ người mù đang mong đợi điều gì nơi Người. Nhưng cảnh này được coi như một lễ rửa tội từ đầu đến cuối: Người dự tòng cần phải được “soi sáng” để tự mình “tuyên xưng Đức tin”.

Anh mù đáp: “Thưa Thầy, xin cho tôi nhìn thấy được”

Vào thời Maccô, người ta gọi phép rửa là “việc khai sáng”. Đó là bí tích mở mắt.

Lạy Chúa, xin cho con được thấy: Lạy Chúa, xin mở mắt con ra.

Người nói: “Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu anh!” Tức khắc, anh ta nhìn thấy được và đi theo Người trên con đường Người đi

Phép rửa đó là bước vượt qua từ bóng tối tiến tới ánh sáng. Đó là công cuộc cứu độ: điều không thể đối với con người, nếu chỉ dựa vào sức riêng của mình, nay đã trở nên có thể và đó là bắt đầu theo Đức Giêsu. Luca sẽ nói về các môn đệ làng Emmau: “Lúc bấy giờ mắt họ mở ra”. Vâng, họ đã mù, dù là với đôi mắt mở rộng.

Về phần anh Batimê, anh sẽ mãi mãi nhớ “khuôn mặt đầu tiên” mà anh đã thấy, khi mắt anh đã được mở ra. Lạy Chúa, khi nào mắt chúng con sẽ được mở ra. Lạy Đức Giêsu, xin hãy đến!